

Số: **249/QĐ-SYT**

Hải Phòng, ngày **22** tháng **02** năm **2018**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017
của Sở Y tế Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1717/2010/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Hội đồng mua sắm thuốc cho ngành Y tế Hải Phòng năm 2017 – 2019 và Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc của các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Biên bản làm việc ngày 04/01/2018 về việc đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nội dung đính chính chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

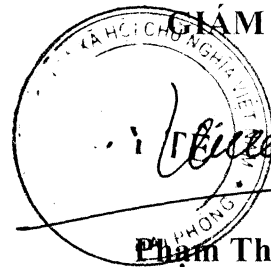
Điều 2: Các nội dung khác của Quyết định số 1317/QĐ-SYT ngày 16/11/2017 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng giữ nguyên không thay đổi.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng, ban Văn phòng Sở Y tế, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng, Thủ trưởng các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành. *al*².

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Như điều 3;
- Website Sở Y tế HP;
- BHXH Hải Phòng;
- Kho bạc NN Hải Phòng;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**
Phạm Thu Xanh
Phạm Thu Xanh

Đính chính kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua sắm thuốc theo tên Generic (gồm 2393 lô thuốc)

thuộc dự án: Mua sắm thuốc Generic năm 2017-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm Quyết định số 249 /QĐ-SYT ngày 22/02/2018 của Sở Y tế Hải Phòng)

I. Danh sách các thuốc rút khỏi danh mục thuốc trúng thầu:

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G2085	BFS- Terbutaline 1mg/ml	Terbutalin	1mg/1 ml	Hộp 10 lọ x 1ml, Dung dịch, Tiêm	24	VD- 26002-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Lọ	4000	3	19,950	79,800,000

2. Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi i thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0331	Phenobarbi tal	Phenobar bital	100mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén , uống	36 tháng	VD- 26868- 17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	1427500	3	204	291,210,000
2	G2029	Dogtapine	Sulpirid	50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng, uống	36 tháng	VD- 18306- 13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	1189580	3	107	127,285,060

3. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0210	AUSSA MIN	Glucosam in sulfat	500mg	Hộp 5 vỉ x 12 viên, Viên nang cứng, Uống	36 tháng	VN- 13033-11	Probiotec Pharma Pty., Ltd- Australia	viên	905000	Nhóm 1	3,024	2,736,720,000
2	G0514	Cefotiam 2g	Cefotiam HCl	2g	Hộp 10 lọ, thuốc bột pha tiêm, IM/IV	36 tháng	VD- 25320-16	VCP - Việt Nam	Lọ	80000	Nhóm 3	96,800	7,744,000,000
3	G0775	Colistin TZF 1000.00 0 UI	Colistin*	1.000.0 00 IU	Hộp 20 lọ, Thuốc bột pha tiêm/truyền và hít	36 tháng	VN- 19363-15	Tarchomin pharmaceutic al works "polfa" S.A - Ba lan	Lọ	33800	Nhóm 1	378,000	12,776,400,000
4	G0859	Bleocip	Bleomyci n HCl	15mg	Hộp 1 lọ .Tiêm, Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	VN- 16447-13	Cipla- Ấn Độ	Lọ	1000	Nhóm 5	411,000	411,000,000
5	G1229	SaViDop ril Plus	Perindopri l + Indapamid	4mg + 1,25mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD- 26260-17	SaViPharm - Việt Nam	Viên	180000	Nhóm 2	2,860	514,800,000

6	G0540	Ceftazidime Gerda 2g	Ceftazidim	2g	Hộp 10 lọ, Bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-17905-14	LDP Laboratorios Torlan SA-Spain	Lọ	283,000	Nhóm 1	132,000	37,356,000,000
---	-------	-------------------------	------------	----	-------------------------------	----------	-------------	--	----	---------	--------	---------	----------------

4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G1973	RHYNI XSOL	Naphazolin nitrat	0,05% - 15ml	lọ 15ml. Nhỏ mắt, mũi	24	VD- 21379-14	VIDIPHA, VN	Lọ	29278	3	2730	79,928,940

5. Công ty Cổ phần dược phẩm Vinacare:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G2325	Zoramo	Amoxicillin + Cloxacilin natri	250mg + 250mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén, Uống	24 tháng	VD- 22158-15	Công ty CPDP Hà Tây - Việt Nam	Viên	705000	3	1,899	1,338,795,000

6. Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
-------------	------------	--------------	------------------	------------------------------	--	------------------------------	---------------------	--------------------------------------	----------------	------------------------------	--------------	----------------------	------------

1	G0982	Ferium-XT	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt Ascorbate) + acid Folic BP	100mg + 1,5mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	24 tháng	VN-16256-13	Emcure - Ấn Độ	viên	245500	5	5,300	1,301,150,000
---	-------	-----------	---	---------------	---------------------------------------	----------	-------------	----------------	------	--------	---	-------	---------------

7. Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0001	Atropin sulfat	Atropin sulfat	0,25mg /1ml	Hộp 100 ống x 1ml dung dịch tiêm	36	VD-22582-15	Thephaco-Việt Nam	Ống	506670	3	465	235,601,550

8. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược Vietamerican:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G1662	Probio IMP	Lactobacillus acidophilus	10 mũ 8 CFU (75mg)	Hộp 14 gói x 1g Uống, Bột pha uống	24 tháng	QLSP-0737-13	Cty CP dược phẩm Imexpharm - Việt Nam	gói	707500	3	1,480	1,047,100,000
2	G2008	Bivantox	Acid thioctic/Meglumin thioctat	600mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VD-20831-14	Cty CP Dược phẩm trung ương 1-Pharbaco - Việt Nam	Viên	600	3	18,000	10,800,000.00

9. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Sài Gòn:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0992	Saferon	Sắt (III) hydroxyd polymalto se)	50mg/1 ml - 15ml	Hộp 1 chai 15ml; Uống, dung dịch	30 tháng	VN- 16272-13	Glenmark Pharmaceutic als Ltd.- Ấn Độ	Chai	30500	2	58,000	1,769,000,000

10. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Minh Nguyệt:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0928	O-Plat 50	Oxaliplati n	2mg/1 ml - 25ml	Hộp 1 lọ, Dung dịch tiêm/truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	GC-258- 16	Intas Pharmaceutic als Limited - Nhà đóng gói: Công ty CP DP TW1 - Pharbaco (Việt Nam) - Ấn Độ	Lọ	6000	3	409,500	2,457,000,000
2	G0929	O-Plat 100	Oxaliplati n	2mg/1 ml - 50ml	Hộp 1 lọ, Dung dịch tiêm/truyền, Tiêm/truyền	36 tháng	GC-256- 16	Intas Pharmaceutic als Limited - Nhà đóng gói: Công ty CP DP TW1 - Pharbaco (Việt Nam) - Ấn Độ	Lọ	6050	3	798,000	4,827,900,000

11. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Nam Đồng:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G1507	Gastevin 30mg	Lanzopraz ol	30mg	Hộp 2 vỉ x 7 viên nang cứng, uống	36 tháng	VN- 18275-14	KRKA, d.d., Novo mesto - Slovenia	Viên	757600	1	9,500	7,197,200,000

12. Liên danh nhà thầu Thuận An - Bách Khang:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0388	Rezoclav	Amoxicili n + acid clavulanic	250mg + 31,25m g	Hộp 2 vỉ x 7 Viên nén phân tán, Uống	24 tháng	VD- 17968-12	Cty CP DP TU 1 - Pharbaco - Việt Nam	Viên	405000	3	8,200	3,321,000,000

13. Nhà thầu liên danh: Công ty Cổ phần dược phẩm Hải Phòng với công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Việt Anh và Công ty cổ phần dược phẩm Hoàng Giang:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0002	Atropin sulfat Kabi 0,1%	Atropin sulfat	1mg/1 ml - 10ml	Hộp 1 lọ 10 ml, dung dịch tiêm	36 tháng	VD- 21952-14	Bidiphar - Việt Nam	Ống	1000	3	19,728	19,728,000

14. Công ty cổ phần Dược phẩm Kim Tinh:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G1062	Nanokin e 2000IU	Erythropo ietin	2.000I U	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP- 920-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen- Việt Nam	Lọ	27,350	3	145,400	3,976,690,000
2	G1067	Nanokin e 4000IU	Erythropo ietin	4000IU	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	24 tháng	QLSP- 919-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen- Việt Nam	Lọ	42,630	3	312,000	13,300,560,000

15. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Nam:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G0398	Rezoclav	Amoxicili n + acid clavulanic	500mg + 62,5m g	Hộp 2 vỉ x 7 viên ,Uống, viên nén phân tán	2 năm	VD- 17967-12	Công ty CPDP TW I - Pharbaco - Việt Nam	Viên	1,645,974	3	8,820	14,517,490,680

16. Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Hoàng Lan:

S T T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền
1	G2374	Biosubty 1 DL	Bacillus subtilis + Lactobacill us acidophilu s	3 x 107 +3 x 107	Hộp 25 gói 1g ,Uống, bột pha	2 năm	QLSP- 0767-13	Cty TNHH MTV Vắc Sin Pasteur Đà Lạt	gói	1,493,989	3	840	1,254,950,760

II. Danh sách các thuốc đỉnh chính nội dung phê duyệt:

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đườn g dùng	Hạn dùng (Tuô i thọ)	SDK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượn g trúng thầu	Phân nhó m	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đỉnh chính
1	G0016	ISIFLURA	Isoflurane	100% - 100ml	Hộp 1 chai 100ml, thuốc mê đường hô hấp	60 tháng	VN- 18670 -15	Pirama l Critica Care, Inc. USA	Chai	255	1	300,000	76,500,000	Sửa hoạt chất thành Isoflurane 100% tt/tt - 100ml

5. Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thanh Hóa:

ST T	Mã HSMT	Tên thuố c	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm	Quy cách, Dạng bào	Hạn dùng (Tuô	SDK hoặc GPN	Cơ sở sản xuất - Nước	Đơn vị tính	Số lượng trúng	Phâ n nhó	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đỉnh chính
---------	------------	------------------	------------------	---------------------	--------------------------	---------------------	--------------------	-----------------------------	-------------------	----------------------	-----------------	----------------------	------------	------------------------

				lượng	chế, Đường dùng	i thọ)	K	sản xuất		thầu	m			
1	G2266	Vita min B1- 100 mg/ ml	Vitamin B1	100mg /1ml	Hộp 100 ống x 1ml dung dịch tiêm	24	VD- 25358- 16	Thephaco -Việt Nam	Ông	96525 8	3	550	530891900	Sửa Tên thuốc thành: Vitamin B1

6. Công ty Cổ phần Pymepharco:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi i thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
1	G0450	Cefas stad 500	Cefalexin khan	500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng - Uống	36 tháng	VD- 12507- 10	CTCP Pymephar co - Việt Nam	Viên	34601 70	4	1709.92	591661388 6	Sửa Tên hoạt chất thành: Cefalexin

7. Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Hoàng Lan:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi i thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
---------	------------	--------------	------------------	------------------------------	---	--------------------------------	-------------------------	---	-------------------	------------------------------	--------------	----------------------	------------	------------------------

1	G0577	Doripenem 500 mg	Doripenem	500mg	Hộp 1 lọ 20 ml , Tiêm, bột pha tiêm	3 năm	VD-24894-16	Công ty CPDP VCP - Việt Nam	Lọ	37500	3	609,000	22,837,500,000	Sửa Quy cách thành: Hộp 1 lọ
---	-------	------------------	-----------	-------	--	-------	-------------	-----------------------------	----	-------	---	---------	----------------	------------------------------

8. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đại Bắc:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
1	G1392	Pentoxipharm	Pentoxifylin	100mg	Hộp 6 vỉ x 10 viên, viên nén bao tan trong ruột, đường uống	36 tháng	5450/QLD-KD	Unipharm AD - Bulgaria	Viên	106600	Nhóm 1	2,289	244,007,400	Sửa Tên thuốc thành: Pentoxipharm 100mg

9. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược Kim Đô:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
------	---------	-----------	---------------	---------------------	------------------------------------	---------------------	----------------	--------------------------------	-------------	---------------------	-----------	----------------	------------	---------------------

1	G0978	Trivastal Retard 50mg	Piribedil	50mg	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Viên nén bao đường giải phóng chậm, Uống	36 tháng	VN-16822-13	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Viên	66000	1	3,989	263,274,000	Sửa Tên thuốc thành: Trivastal Retard
---	-------	-----------------------	-----------	------	--	----------	-------------	---	------	-------	---	-------	-------------	---------------------------------------

11. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Liệu TW2:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
1	G2120	ACC 200mg	Acetylcystein	200mg	Hộp 50 gói, Bột pha dung dịch uống, Uống	24 tháng	VN-11089-10	Lindopharm GmbH.Xuất xưởng: Slutas Pharma GmbH - Đức-Đức	Gói	852300	1	1990	1696077000	Sửa Hoạt chất thành: N - Acetylcystein

2	G0888	Docetaxel "Ebewe"	Doxorubicin Hydrochlorid 2mg/ml	10mg/ 5ml	Hộp 1 lọ 5ml, Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	VN-17426-13	Ebewe Pharma Ges.m.b. H.Nfg.K G-Áo	Lọ	1,100	1	96000	105,600,000	Sửa hoạt Tên thuốc thành Doxorubicin "Ebewe"
---	-------	----------------------	------------------------------------	--------------	---	----------	-------------	------------------------------------	----	-------	---	-------	-------------	--

12. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Dược phẩm Duy Anh:

ST T	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tuổi thọ)	SĐK hoặc GPN K	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng trúng thầu	Phân nhóm	Giá trúng thầu	Thành tiền	Nội dung đính chính
1	G0706	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin	400mg / 200ml	Hộp 01 túi PE 200ml, dung dịch tiêm truyền, tiêm truyền	24 tháng	VN-18952-15	Pharmaceutical Works Polpharma S.A - Ba Lan	Lọ	20000	1	186,500	3,730,000,000	Sửa ĐVT thành: túi